

ĐỀ TÀI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ SỰ VẬN DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM

LỜI MỞ ĐẦU

Cơ chế thị trường nước ta được điều hành bằng một hệ thống pháp luật đồng bộ dân chủ và công khai. Hệ thống pháp luật về kinh tế tài chính hoàn chỉnh sẽ là những công cụ điều chỉnh có hiệu lực các hoạt động kinh tế xã hội theo định hướng trước mắt và lâu dài của đất nước, với những quyết định đầy đủ về quyền lợi trách nhiệm, nghĩa vụ của các doanh nghiệp. Sự can thiệp có giới hạn của nhà nước không cản trở sự phát triển của nền kinh tế. Trong khuôn khổ pháp luật, mọi thành phần kinh tế được tham gia bình đẳng trong sản xuất kinh doanh (trừ lĩnh vực nhà nước cấm). Các yếu tố thị trường quốc dân hoà nhập với thị trường quốc tế, biết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế và sự phát triển không ngừng về nhu cầu tiêu dùng đã tạo ra thị trường đa dạng, phong phú. Bên cạnh mặt tích cực thuận lợi cho việc phát triển kinh tế do cơ chế thị trường, còn nhiều vấn đề phức tạp ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Tình hình đó, yêu cầu phải có sự điều tiết mạnh mẽ của nhà nước để sử dụng và phát huy mặt tích cực như một động lực trong công cuộc đổi mới, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

Vấn đề cần được quan tâm giải quyết là nhà nước phải có một "chính sách" mang tầm cỡ chiến lược đồng bộ và toàn diện nhằm phát huy tốt các đòn bẩy kinh tế, đặc biệt là về tài chính - tiền tệ. Trong đó, thuế là một trong những công cụ có hiệu quả chủ yếu để thực hiện phân phối lại tổng sản phẩm quốc nội, thu nhập của các tầng lớp dân cư, góp phần xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế, gắn liền với yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội trong cơ chế thị trường.

Để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội hiện nay, nhất là chủ trương " công nghiệp hoá - hiện đại hoá" để đất nước tạo ra sự chuyên biến to lớn. Nhà nước ta tiến hành cải cách và hoàn thiện hệ thống thuế và thuế GTGT được ban hành và đưa vào thực hiện thay cho thuế doanh thu trước đây nhằm khắc phục

những nhược điểm của thuế doang thu, đồng thời đưa vào sử dụng một hình thức thuế hiện đại phù hợp với đặc điểm cơ chế thị trường hiện nay và thông lệ quốc tế. Thuế GTGT là một sắc thuế tiên tiến của hình thức thuế, thể hiện được vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường. Mức độ thành công trong việc áp dụng luật thuế mới này như thế nào tùy thuộc vào khả năng vận dụng và thực tế ở mỗi nước.

Xung quanh việc áp dụng VAT, vào Việt Nam còn rất nhiều băn khoăn, khúc mắc từ giá, thuế suất, hay là khấu trừ thuế... Ngoài những thành công đã đạt được. Ta cần nghiên cứu sâu những khó khăn, khúc mắc tìm ra nguyên nhân để từ đó có những giải pháp, hướng khắc phục nhằm hoàn thiện hơn luật thuế GTGT, đồng thời nhằm đạt hiệu quả cao trong khi áp dụng luật thuế này.

Đề tài được hoàn thành nhờ có sự tìm hiểu sách báo, tạp chí, nghiên cứu các vấn đề về thuế GTGT và có sự hướng dẫn của thầy cô phụ trách.

CHƯƠNG I

LÝ THUYẾT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT).

1. Khái niệm và đặc điểm.

1.1. Khái niệm: Thuế GTGT là thuế thu trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào ngân sách theo mức độ tiêu thụ hàng hoá dịch vụ.

1.2. đặc điểm của thuế GTGT.

Thuế GTGT đánh vào các giai đoạn sản xuất kinh doanh nhưng chỉ tính phần giá trị tăng thêm của mỗi giai đoạn. Vì thế, tổng số thuế thu được ở các giai đoạn sẽ bằng với số thuế tính theo giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Đối tượng điều tiết của thuế GTGT là phần thu nhập của người tiêu dùng sử dụng để mua hàng hoá và dịch vụ. Như vậy về nguyên tắc chỉ cần thu thuế ở khâu bán hàng cuối cùng là đủ. Tuy nhiên trên thực tế rất khó phân biệt đâu là tiêu dùng cuối cùng và đâu là tiêu dùng trung gian vì thế cứ có hành vi mua hàng là phải tính thuế. Nếu là tiêu dùng trung gian thì số thuế đó sẽ tự động chuyển vào giá bán hàng cho người mua ở giai đoạn sau.

Bên cạnh đó, thuế GTGT còn có tính trung lập kinh tế cao. Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà chỉ đơn thuần là một khoản cộng thêm vào giá bán cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Thuế GTGT không bị ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế. Như ta đã biết GTGT là phần giá trị mới được tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nó được xác định bằng chênh lệch giữa tổng giá trị sản xuất và tiêu thụ với tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng tổng GTGT ở tất cả các giai đoạn luân chuyển có giá trị bằng giá bán của sản phẩm ở giai đoạn cuối cùng, nên việc thu thuế trên GTGT ở từng giai đoạn đảm bảo cho tổng số thuế thu được tương đương với số thuế tính trên giá bán trong giai đoạn cuối cùng. Chính vì thế quá trình tổ chức kinh tế và phân chia các chu trình kinh tế có diễn ra dài hay ngắn hay như thế nào đi nữa thì thuế GTGT cũng không bị ảnh hưởng. Và tổng số thuế ở các giai đoạn luôn khớp với số tính thuế trên giá bán ở giai đoạn cuối cùng bất kể số giai đoạn nhiều hay ít.

Ở nước ta thuế GTGT được nghiên cứu từ khi tiến hành cải cách thuế bước một (1990) ban hành thành luật và được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá 9 ngày 10/5/97 để chính thức áp dụng từ 01/01/99.

2. Nội dung cơ bản của VAT.

2.1. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT.

* Đối tượng chịu thuế:

Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT của nhà nước quy định đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hoá và dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh, tiêu dùng ở Việt Nam.

* Hàng hoá chịu VAT bao gồm:

- Hàng hoá, dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng ở Việt Nam.
- Hàng hoá, dịch vụ được nhập khẩu để tiêu dùng trong nước.
- Hàng hoá và dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng nội bộ.
- Hàng hoá và dịch vụ được mua, bán dưới mọi hình thức, bao gồm cả trao đổi bằng hiện vật.

Ở nước ta quy định danh mục 26 loại hàng hoá dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT nhưng hàng hoá đó thường có trong các tổ chức sau:

Là sản phẩm của một số ngành đang còn khó khăn, cần khuyến khích tạo điều kiện phát triển như: sản xuất nông nghiệp, máy móc nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được ...

Các hàng hoá dịch vụ thuộc các hoạt động không mang tính chất kinh doanh vì lợi nhuận hoặc thuộc các hoạt động được ưu đãi vì mục tiêu nhân đạo, xã hội: Vũ khí khí tài phục vụ an ninh, quốc phòng, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm học sinh ...

Một số hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống sản xuất cộng đồng: dịch vụ y tế, văn hoá, giáo dục, thông tin đại chúng, vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt ...

Tổ chức, cá nhân mua bán, nhập khẩu hàng hoá, cung ứng dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của các hàng hoá và dịch vụ này.

Còn đối tượng nộp thuế: Là tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ chịu VAT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề hình thức tổ chức kinh doanh, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá chịu VAT.

2.2. Căn cứ tính.

Luật thuế VAT áp dụng ở Việt Nam phân biệt 4 mức thuế suất khác nhau: 0%, 5%, 10% và 20% áp dụng đối với từng nhóm mặt hàng sản xuất hoặc nhập khẩu. Việc quy định các mức thuế suất khác nhau thể hiện chính sách điều tiết thu nhập và hướng dẫn tiêu dùng đối với hàng hoá dịch vụ. trong điều kiện hiện nay ở nước ta, mặt bằng kinh doanh của các ngành nghề chưa đồng nhất, nên phân biệt mức thuế suất VAT khác nhau đối với từng nhóm mặt hàng là sự cần thiết.

Hàng hoá nhập khẩu bao gồm tất cả hàng gia công xuất khẩu (xuất khẩu ra nước ngoài hoặc khu chế xuất) được áp dụng mức thuế suất 0% nhằm thực hiện hoàn thuế đã thu ở khâu trước và khuyến khích xuất khẩu.

Những hàng hoá dịch vụ thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho sản xuất và tiêu dùng được áp dụng mức thuế suất thấp là 5%.

Các hàng hoá dịch vụ không thiết yếu, cần thiết có mức thuế suất cao là 20%.

Các hàng hoá Dịch vụ thông thường áp dụng mức thuế suất là 10% căn cứ tính:

Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ chịu các mức thuế suất khác nhau thì phải tổ chức hạch toán riêng doanh thu từng loại hàng hoá, Dịch vụ kinh doanh theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá riêng biệt. Nếu không hạch toán như vậy thì doanh nghiệp phải tính thuế GTGT theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở sản xuất kinh doanh trên tổng doanh thu của tất cả các loại hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ.

2.3. Phương pháp tính thuế.

2.3.1. Phương pháp khấu trừ thuế.

* Điều kiện ta xét về đối tượng áp dụng.

Các đơn vị, tổ chức kinh doanh chấp hành tốt công tác hạch toán và chế độ sử dụng hoá đơn chứng từ bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác. Trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

* VAT phải nộp được xác định như sau:

= -

Theo phương pháp này người ta tính thuế trên toàn bộ giá trị hoá đơn bán ra sau đó trừ đi số thuế đã có trên các hoá đơn hàng hoá, Dịch vụ mua vào để xác định số thuế phải nộp trong kỳ hạch toán.

Trước hết cần xác định thuế GTGT đầu ra theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế GTGT} \\ \text{đầu ra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá tính thuế của} \\ \text{hàng hoá, dịch} \\ \text{vụ chịu thuế bán ra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế GTGT} \\ \text{của hàng hoá dịch vụ đó} \end{array}$$

* Phương pháp khấu trừ thuế:

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán ra hàng hoá, dịch vụ phải tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hoá Dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ hàng hoá bán ra chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Riêng đối với hàng hoá Dịch vụ đặc thù được dùng loại chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế, thì giá chưa có thuế và thuế GTGT đầu ra được xác định:

$$\text{Thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \% \text{ thuế suất}} \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

Thuế GTGT đầu vào bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hoá, Dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hoá nhập khẩu.

* Phương pháp khấu trừ thuế có ưu điểm là?

- Đơn giản hoá được quá trình tính và thu thuế bằng cách chỉ cần tập hợp các hoá đơn bán và mua hàng đã tính sẵn số thuế đầu ra và số thuế đầu vào trên đó.

- Đảm bảo được số thu thuế cần thiết ở người mua hàng cuối cùng vì đây thực chất là phương pháp trừ lùi số đã nộp để xác định số còn phải nộp.

2.3.2. Phương pháp trực tiếp trên GTGT.

* Đối tượng áp dụng:

- Cá nhân sản xuất, kinh doanh là người Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh ở Việt Nam không theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hoá đơn, chứng từ làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Cơ sở kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý ngoại tệ.

* Xác định thuế GTGT phải nộp:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế GTGT} \\ \text{Phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{GTGT của} \\ \text{hàng hoá, dịch vụ} \\ \text{chịu thuế bán ra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế GTGT} \\ \text{của hàng hoá dịch vụ đó} \end{array}$$
$$\begin{array}{l} \text{Thuế GTGT} \\ \text{hàng hoá, dịch vụ} \\ \text{chịu thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thanh toán} \\ \text{của hàng hoá,} \\ \text{dịch vụ bán ra} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thanh toán của hàng} \\ \text{hoá dịch vụ mua vào} \\ \text{tương ứng} \end{array}$$

- Giá thanh toán của hàng hoá, Dịch vụ bán ra là giá bán thực tế bên phải mua thanh toán cho bên bán bao gồm cả VAT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên mua phải trả.

- Giá thị trường của hàng hoá Dịch vụ mua vào tương ứng với hàng hoá Dịch vụ bán ra được xác định bằng giá trị hàng hoá dịch vụ mua vào (cả VAT) mà cơ sở sản xuất, kinh doanh đã dùng vào sản xuất kinh doanh.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán doanh số hàng hoá, vật tư dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số bán ra được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thanh toán của hàng hoá} \\ \text{dịch vụ mua vào trong kỳ} \\ \text{+tương ứng với hàng hoá bán ra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị hàng} \\ \text{tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị hàng} \\ \text{mua vào} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị hàng} \\ \text{tồn kho} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Ngoài ra GTGT còn được xác định đối với một số ngành nghề cụ thể. Tuy vào kinh doanh của mỗi ngành có tính chất đặc thù khác nhau thì VAT được xác định khác nhau.

Bên cạnh đó, luật thuế GTGT còn xem xét đến vấn đề miễn giảm thuế và hoàn thuế GTGT như thế nào cho hợp lý. Luật quy định đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế GTGT tùy theo từng cơ sở kinh doanh tương ứng và chế độ miễn giảm VAT phù hợp để vừa đảm bảo số thu cho NSNN nhưng cũng đảm bảo

phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tích cực sản xuất kinh doanh.

3. Vai trò của VAT.

Trong quá trình thực hiện thuế GTGT đã thể hiện được một số vai trò nổi bật sau:

Thứ nhất: VAT góp phần thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển, mở rộng lưu thông hàng hoá dịch vụ ... vì thế VAT đã khắc phục được tình trạng trùng lặp của thuế doanh thu.

Thứ hai: Bảo đảm nguồn thu quan trọng và ổn định cho NSNN, VAT huy động và xác định ngay từ khâu đầu và việc thu VAT ở khâu sau còn kiểm tra việc tính VAT đã nộp ở khâu trước nên hạn chế được việc thất thu thuế, kiểm soát được nguồn thu trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế.

Thứ ba: Thuế GTGT góp phần tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá phải có đầy đủ chứng từ hoá đơn hợp lệ theo luật định. Việc đăng ký mã thuế cùng với phương pháp khấu trừ thuế đã buộc cả người mua, người bán thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ trong các hoạt động thanh toán.

Kể từ khi luật thuế GTGT chính thức được thực thi, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản pháp quy để hướng dẫn sửa đổi bổ sung. Thuế GTGT đã và đang từng bước được hoàn thiện, khắc phục những tồn tại vốn có trong thời kỳ chuyển đổi và ngày một phát huy vai trò của thuế GTGT trong nền kinh tế thị trường đầy biến động, đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn của một sắc thuế trong điều kiện kinh tế thị trường.

4. Tác động của VAT đến kinh tế xã hội.

4.1. Tác động đến giá cả và lạm phát.

Thông thường giá cả và lạm phát tăng hay giảm do nhiều yếu tố tác động, cả về kinh tế và xã hội. Trong cơ chế thị trường, quy luật cung cầu, quy luật giá trị cũng có tác động rất lớn đến giá cả và lạm phát. Do đó, nếu khẳng định việc ban hành một hệ thống thuế nói chung và VAT nói riêng có tác động đến mức nào với giá cả, lạm phát, thường là khó xác định.

Có người cho rằng, việc ban hành thuế GTGT sẽ làm tăng giá cả và lạm phát. Tuy nhiên ở nhiều nước, trong quá trình nghiên cứu ảnh hưởng của thuế GTGT đối với giá cả và lạm phát, người ta đã đi đến kết luận là đến nay, chưa có

căn cứ khoa học nào để khẳng định rằng bản chất thuế GTGT có thể gây lạm phát. Nếu có ảnh hưởng nào đó của thuế GTGT đến giá cả, thì những ảnh hưởng này sẽ chỉ là một phần, chứ không thể là tất cả.

Về lý thuyết, thuế GTGT thuộc loại thuế gián thu, một yếu tố cấu thành trong giá.

Vì vậy, việc ban hành thuế GTGT có liên quan và tác động trực tiếp đến giá cả là tất nhiên. Vấn đề cần được xem xét là trên thực tế, đối với từng ngành nghề, từng loại sản phẩm hàng hoá, dịch vụ cũng như trên toàn cục của nền kinh tế, việc ban hành thuế gián thu nói chung, VAT có ảnh hưởng đến giá cả trong phạm vi rộng hay hẹp, đến khu vực sản xuất hoặc khu vực khác như thế nào còn tùy thuộc vào mức độ thuế suất, nội dung và tổ chức thực hiện có phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội, với trình độ dân trí ... hay không?

Về nguyên tắc, khi thay thế thuế doanh thu bằng thuế GTGT với mức động viên cuối cùng như nhau thì ảnh hưởng của thuế GTGT ngang với ảnh hưởng của thuế doanh thu đối với giá. Tuy vậy, nếu nhà nước không có biện pháp quản lý, kiểm tra giá cả, để cho các cơ sở kinh doanh lợi dụng, vin vào thuế mới để tăng giá thì vô hình trung, giá cả sẽ có tác động xấu.

Khi áp dụng thuế GTGT thì giá cả hàng hoá Dịch vụ nhìn chung có khuynh hướng tăng lên sở dĩ xảy ra hiện tượng này là do sự không am hiểu hoặc cố tình không hiểu về thuế GTGT. Bởi vì, việc thực hiện thuế doanh thu trải qua một thời gian khá dài, đã ăn sâu vào tiềm thức của con người tiêu dùng. Cho dù thuế doanh thu là thuế gián thu, song được tính chung vào trong giá bán hàng hoá Dịch vụ nên người tiêu dùng khó nhận biết được mình chính là người chịu thuế còn các doanh nghiệp bán hàng chỉ là người thu hộ cho nhà nước mà họ luôn cho rằng đây là khoản thuế đánh vào các doanh nghiệp do vậy áp dụng thuế GTGT thay thế cho thuế doanh thu, mặc dù nó cũng là một loại thuế gián thu đánh vào người tiêu dùng song cơ chế hạch toán thay thế, có nghĩa là thuế GTGT được tách ra khỏi giá bán hàng hoá, Dịch vụ. Điều này khiến cho người mua hàng thấy rõ khoản thuế của mình phải nộp cho nhà nước nên họ cảm giác mình phải nộp một loại thuế mới mà trước đây khi mua hàng họ không phải chịu và đóng góp. Lợi dụng yếu tố này các doanh nghiệp đã nâng giá bán hàng hoá Dịch vụ lên để trục lợi và có khả năng làm gia tăng lạm phát thất thoát thu hẹp thị trường tiêu dùng hạn chế khả năng đầu tư vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Do vậy làm quy mô hoạt động của các doanh nghiệp bị thu hẹp làm

cho cơ cấu kinh tế bị biến động chuyển dịch mất cân đối, tốc độ tăng trưởng có khả năng suy giảm.

Tình hình lạm phát ở từng nước xảy ra thường do nhiều nguyên nhân trong đó có các nguyên nhân khá quan trọng về sự phát triển chậm hay giảm sút về kinh tế do chính sách vĩ mô hay điều hành của nhà nước; kinh tế không cân đối được thu chi, thu không đủ chi; do tác động của giá cả vì giá cả vừa là nguyên nhân nhưng cũng vừa là hậu quả của lạm phát, vì vậy không thể đánh giá tác động cụ thể của chính sách thuế GTGT một cách riêng rẽ. Tuy nhiên, phải khẳng định rằng nếu việc cải cách chính sách thuế nói chung thuế GTGT nói riêng phù hợp với quy luật phát triển kinh tế thị trường, sẽ có tác động tích cực tới phát triển kinh tế bảo đảm nguồn thu ngân sách, do đó sẽ có tác động tốt, ngăn chặn hay hạn chế lạm phát. Ngược lại, nếu đưa ra mức thuế quá cao hay quá thấp sẽ có ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách và lạm phát.

Việc đánh giá tác động của chính sách thuế GTGT đến lạm phát không thể xem xét một cách phiến diện, cục bộ, mà phải được phân biệt một cách khách quan, toàn diện, cục bộ mà phải được phân biệt một cách khách quan, toàn diện khoa học trong mối quan hệ với khu vực quốc tế trong từng thời kỳ nhất định xâu.

Tóm lại, chính sách VAT cũng có những tác động tới giá cả và lạm phát nhất định nhưng nếu nhà nước là những người quản lý có những biện pháp kiểm tra, quản lý thì giảm mức độ tác động xấu tới giá cả và lạm phát và tới nền kinh tế xã hội.

4.2 Tác động của VAT tới thu ngân sách nhà nước (NSNN).

Thuế GTGT có thể tạo nguồn thu ngày tăng cho NSNN, thông qua việc mở rộng và bao quát diện đánh thuế đối với mọi hoạt động nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mặt khác, VAT bảo đảm việc thu tập trung phần lớn số thuế đánh vào từng sản phẩm hàng hoá ngay từ khâu đầu, đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lớn, có khả năng hạn chế thất thu ngân sách tốt hơn thuế doanh thu. Việc thu thuế khấu trừ và khấu trừ lại dựa trên hoá đơn chứng từ thúc đẩy việc mua bán có hoá đơn làm cho việc thu thuế sát với thực tế kinh doanh. Và thất thu ở khâu trước sẽ được khắc phục ở khâu sau. Tuy nhiên cũng không thể xây dựng mức thuế suất thuế GTGT quá cao, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, tác động không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đến NSNN.

Vào thời điểm luật thuế GTGT được phê chuẩn, cuộc khủng hoảng kinh tế tiền tệ chưa sảy ra trầm trọng. Sự cố phát sinh này nằm ngoài ý muốn của các nhà làm luật Việt Nam và ảnh hưởng lớn đến quyết định về triển khai áp dụng thuế GTGT. Vì thế yêu cầu được đặt ra là phải đảm bảo ổn định thu NSNN, ổn định kinh tế vĩ mô ...

Thực tế khi áp dụng VAT, một loại thuế hoàn toàn mới, nên các đối tượng liên quan chưa thông, nếu chưa được chuẩn bị kỹ, chắc chắn sẽ gây biến động tới thu NSNN. Nếu thu NSNN không đạt yêu cầu, bội chi sẽ tăng, việc điều hành ngân sách càng khó khăn, lúng túng. Và sẽ dẫn đến bất ổn định vĩ mô. Ngược lại, nếu như có chuẩn bị kỹ càng, có tập dượt sâu rộng trước khi triển khai áp dụng, trong quá trình thực hiện có sự kiểm tra, quản lý chính sách phù hợp, thích hợp với đặc điểm của kinh tế thị trường, thì thuế GTGT có thể tạo số thu cho NSNN một cách tích cực, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu và xây dựng các mức thuế suất hợp lý, bảo đảm số thuế GTGT tương đương hoặc cao hơn một chút so với thuế doanh thu, sẽ mang tính khả thi hơn.

Qua đây, ta mới thấy VAT cũng có mặt tích cực và tiêu cực đối với thu NSNN.

Cả hai mặt đều ảnh hưởng tới NSNN. Tác động tiêu cực hay tích cực, nhiều hay ít là phụ thuộc vào việc điều hành và quản lý thuế GTGT.

4.3 Tác động của VAT tới các doanh nghiệp.

Về mặt lý thuyết thuế GTGT là đơn giản và trung lập về kinh tế, nhưng trong thực tế, việc triển khai hạch toán và kiểm tra thuế GTGT tại từng doanh nghiệp không phải là công việc đơn giản. Thật vậy, nếu trước đây, kế toán doanh nghiệp và cán bộ thuế chỉ cần lấy doanh thu nhân với mức thuế suất $x\%$ là ra ngay kết quả cần tìm, thì khi áp dụng luật thuế mới, nhiều khi cả doanh nghiệp và cơ quan thuế phải ngồi xác định đâu là thuế đầu vào, thuế đầu ra thuế được khấu trừ, thuế không được khấu trừ ... khối lượng công việc này thật là khổng lồ.

Trên thực tế, thuế GTGT cũng ít nhiều ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm. Điều đó sẽ kéo theo nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong cạnh tranh và quyết định giá bán. Đặc biệt, trong bối cảnh đang còn nhiều khó khăn về tổng cầu trong nền kinh tế, cứ bán theo giá cũ đã khó hướng chi phải chịu áp lực tăng giá. Doanh nghiệp rơi vào các vòng luẩn quẩn: hông bán được hàng hoặc không thu hồi được vốn dẫn đến không tái sản xuất được, không đổi mới được công nghệ

hoặc không hạ được giá thành và không tăng được chất lượng sản phẩm dẫn tới hàng hoá lại càng ứ đọng, không bán được ... nguyên nhân là do có sự hiểu lầm về thuế GTGT:

- Do "hiệu ứng tâm lý", xuất phát từ nhận thức không đồng đều và tác động của việc thay thuế GTGT cho thuế doanh thu kéo theo cách thức xử lý khác nhau trong chiến lược thương mại, dẫn đến bất bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Hiện tượng này sẽ chấm dứt khi thuế GTGT được phổ biến rộng rãi và kỹ lưỡng.

- Việc áp dụng thuế GTGT ở Việt Nam có gây ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp hoạt động nhập khẩu vì hàng nhập khẩu phải chịu thêm thuế này ngoài thuế nhập khẩu hiện hành.

Mặt khác, những quy định về thời hạn và số tiền phải hoàn lại cho các doanh nghiệp có số thuế GTGT phải nộp âm cũng là một vấn đề cần được quy định cụ thể, công khai chấp hành nghiêm chỉnh, nhất là về phía nhà nước. Nhằm tránh các rủi ro về vốn, rủi ro về lãi suất hoặc tỷ giá cho các doanh nghiệp này khi họ phải ứng ra một số vốn lớn để thanh toán VAT khi mua hàng hoá nhập khẩu hàng hoá.

Nếu các doanh nghiệp, những tế bào của nền kinh tế, chịu ảnh hưởng sâu phát sinh từ việc áp dụng thuế mới này nền kinh tế lại càng khó phục hồi khi đó những mục tiêu lớn cũng khó mà thực hiện được. Nhưng VAT cũng có tác động tốt tới doanh nghiệp nếu như mức thuế suất áp dụng cơ chế thực hiện thích hợp tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đồng thời cũng là phát triển sản xuất nói chung.

CHƯƠNG II

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở VIỆT NAM

1. Sự cần thiết của việc ban hành thuế GTGT.

1.1 . mục tiêu yêu cầu của việc ban hành thuế GTGT.

Việc ban hành luật thuế GTGT thay thế thuế doanh thu ở Việt Nam nhằm những mục tiêu yêu cầu chủ yếu sau:

- Thứ nhất, hạn chế những nhược điểm còn tồn tại của thuế doanh thu và nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, kích thích các ngành nghề phát triển.

- Thứ hai, thuế GTGT được ban hành gắn với việc sửa đổi bổ sung một số sắc thuế khác (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp ...) làm cho hình thức thuế Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với cơ chế thị trường hơn, tương đồng với hình thức thuế trong khu vực và trên thế giới góp phần tạo ra môi trường tốt cho việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- Thứ ba, VAT ra đời còn thúc đẩy việc tăng cường thực hiện chế độ hoá đơn, sổ kế toán và hạch toán kinh tế đối với các nhà doanh nghiệp, đảm bảo số thu ngày càng sát hơn với thực tế hoạt động của từng cơ sở kinh doanh, tập trung được nguồn thu thuế GTGT vào NSNN ngay từ khâu sản xuất, hạn chế được thất thu về thuế ...

1.2 Sự cần thiết của việc ban hành thuế GTGT thay cho thuế doanh thu.

Chỉ có sản xuất mới tạo ra của cải vật chất cho xã hội và nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Do đó Nhà nước phải có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, lưu thông được thông suốt.

Một môi trường đầu tư được coi là thuận lợi nếu trong đó có những cơ chế chính sách được qui định phù hợp, rõ ràng ổn định, ít biến động để tạo cho doanh nghiệp yên tâm bỏ vốn vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Qua việc thực hiện hệ thống thuế mới, đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển ổn định, khu vực kinh tế nhà nước được sắp xếp hợp lý hơn, các doanh nghiệp nhà nước hoạt động ngày càng có hiệu quả, trình độ tổ chức và quản lý kinh doanh ngày càng tốt hơn. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh được hình thành, phát triển dưới nhiều hình thức tư nhân, với tính năng

động trong tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh đã góp phần làm cho nền kinh tế nước ta phát triển. Khu vực các doanh nghiệp hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày càng phát triển đa dạng, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội nước ta trong những năm qua.

Ở nước ta, cùng với các loại thuế gián thu khác. Thuế doanh thu đã được áp dụng từ lâu, trước kia có tên là thuế doanh nghiệp, sau cải cách có tên là thuế doanh thu với đặc trưng cơ bản là có nhiều thuế suất phân biệt theo ngành hàng, mặt hàng; thuế thu hàng tháng và tính trên tổng doanh thu bán hàng thuế doanh thu có ưu điểm là tính toán đơn giản, thu dứt điểm ở từng lần bán hàng mà không phải thoái trả số thuế đã thu ở lần trước. Tuy nhiên bên cạnh những mặt ưu điểm thuế doanh thu cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, đồng thời cũng là khuyết tật của hệ thống chính sách thuế mới. Nhược điểm lớn nhất là việc thu thuế doanh thu còn trùng lặp. Theo quy định của luật thuế doanh thu, đối tượng chịu thuế là toàn bộ số tiền thu được từ sản xuất kinh doanh, điều đó đã làm cho việc tính thuế, thu nộp thuế bị trùng lặp, thuế thu chồng lên thuế. Bên cạnh hoạt động sản xuấtkd xuất khẩu chưa được xem xét ưu đãi đúng mức. Việc quy định quá nhiều thuế suất (11 mức thuế suất; thấp nhất là 0,5%, cao nhất là 30%) của luật thuế doanh thu tạo cho đối tượng nộp thuế dễ lợi dụng để tính nộp thuế dưới mức nghĩa vụ quy định. Do đó, thuế doanh thu không phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá.

Để khắc phục những mặt hạn chế của luật doanh thu trước cải cách thuế đối II Quốc hội đã quyết định áp dụng luật thuế GTGT thay cho thuế doanh thu và chính thức được thi hành từ 1/1/1999 GTGT là thuế tính tiền khoản giá trị tăng thêm của h² dịch vụ ở từng khâu bán hàng nên nó không trùng lặp, thuế GTGT chỉ đánh vào phần giá trị đã chịu thuế ở khâu trước đó trở nên rất khoa học và cần thiết đối với CNH - HĐH đương nhiên nó rất phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế trong điều kiện hiện nay.

Việc chuyển đổi hoàn toàn không tính và thu thuế doanh thu bằng thuế GTGT thể hiện bước đi đúng đắn của quá trình cải cách thuế giai đoạn II ở Việt Nam đồng thời nó cũng được đánh giá là hoàn toàn mới chưa từng có trong lịch sử tài chính nước nhà.' Chính vì thế cho dù thuế GTGT mang lại những lợi ích cơ bản cho nền kinh tế nhưng trước, trong cả nhận thức và thực tế từ hướng dẫn đến triển khai áp dụng sẽ có nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh ra gây không ít khó khăn cho nhiều đối tượng mặc dù vậy cải cách thuế đợt II là một sự cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

2. Điều kiện cần thiết để áp dụng thuế GTGT ở Việt Nam

Những điều kiện cần thiết cho việc áp dụng thuế GTGT:

Một là, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, mua bán hàng hoá lớn và vừa phải thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn chứng từ thuận tiện cho việc kiểm tra, xác định doanh thu tính thuế và khấu trừ thuế đối với từng cơ sở kinh doanh.

Hai là, trình độ cán bộ quản lý, tính thuế được nâng cao về chế độ hoá đơn chứng từ, sổ kế toán, thông thạo về chế độ quản lý, tính thuế, khấu trừ thuế hoàn thuế GTGT. Các cơ quan thuế từng bước được trang bị hệ thống máy tính, cán bộ cơ quan thuế ngày càng thông thạo sử dụng các mạng máy tính, đạt hiệu quả cao làm cho công tác thu nộp thuế ngày càng được kiểm tra chặt chẽ hơn, nhanh gọn hơn.

Ba là, mở rộng diện thanh toán mua bán hàng hoá thông qua các tài khoản ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định doanh thu án hàng làm căn cứ cho việc tính thuế được xác định.

Bốn là, ý thức tự nguyện, tự giác chấp hành các luật thuế của các doanh nghiệp từng bước được nâng cao theo phương châm tăng cường "đức trị" gắn với việc xử lý các vi phạm về thuế nghiêm minh theo phương châm "pháp trị".

Năm là, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh và đưa dần việc thực hiện pháp luật vào nề nếp, kỷ cương, cả trong nhận thức tư tưởng và hoạt động thực tế.

Ngoài ra còn có các điều kiện khác vừa nhằm giúp cho cho việc áp dụng luật thuế GTGT đạt hiệu quả cao. Mỗi điều kiện đều có vai trò, vị trí quan trọng khác nhau, đồng thời có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau để việc triển khai luật thuế GTGT được đồng bộ

CHƯƠNG III

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG NHỮNG NĂM QUA Ở VIỆT NAM

1. Một số thành tựu đạt được.

Việc triển khai thực hiện các luật thuế mới và đặc biệt là việc áp dụng thuế GTGT đã đạt được một số kết quả bước đầu đáp ứng được những mục tiêu đề ra. Mặc dù đây là khoản thời gian nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do bị tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính tiền tệ trong khu vực, hạn hán rồi bão lụt xảy ra nghiêm trọng ở các tỉnh Tây Nguyên và Miền trung, rồi nhiều khó khăn khác nữa. mà theo yêu cầu của bộ chính trị đề ra là phải bảo đảm công bằng về quyền lợi nghĩa vụ của các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh trong nền kinh tế, giúp cho các doanh nghiệp ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường hoạch toán kinh tế, nâng cao năng lực quản lý, nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước và trên thị trường quốc tế, bảo đảm không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch thu của ngân sách trung ương trong những năm đầu thực hiện. Tạo điều kiện để ngân sách địa phương ổn định được nguồn thu, nâng dần tỷ lệ các địa phương cân đối ngân sách và đóng góp cho ngân sách trung ương. bảo đảm ổn định thị trường trong nước, tránh gây ra những biến động về giá cả đặc biệt là giá cả vật tư, hàng hoá quan trọng dùng cho sản xuất và tiêu dùng thiết yếu đó ổn định sản xuất, không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Sau một thời gian triển khai thực hiện các luật thuế mới đã đạt được những kết quả nhất định góp phần cho nền kinh tế ổn định. sản xuất kinh doanh năm 2000 ước tính đạt 26,9% GDP và vốn đầu tư gần 20% so với năm 1999. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2000 đạt 6,7%. Trong điều kiện thị trường xuất khẩu bị hạn chế, giá cả hàng hoá giảm, nhưng tổng xuất khẩu năm 2000 dự kiến tăng 21,3% so với năm 1999 hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu khoảng 5000 tỷ đồng. Các khoản thu từ phụ phí và thuế đều vượt mức kế hoạch năm 1999 đạt 111,5% sơ với dự toán; năm 2000 đạt 117,5% so với dự toán là và tăng 13% sơ với năm 1999. trong đó thuế GTGT đã tạo điều kiện cho giá thành các công trình xây dựng cơ bản giảm khoảng 10% so với trước đây.

Cụ thể về sản xuất kinh doanh, nhìn chung không có sự đảo lộn lớn, mặc dù một số ngành sản xuất kinh doanh dịch vụ đang gặp khó khăn từ trước, đến khi thực hiện luật thuế GTGT lại càng khó khăn hơn như gang thép, cơ khí, hoá

chất, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, vận tải do chậm chuyển đổi phù hợp với mức thuế mới... ở các ngành khác vẫn tăng trưởng khá như điện, xi măng, vật liệu xây dựng, sản xuất xe đạp, máy, quần áo may sẵn... và tốc độ tăng trưởng GDP tuy có chậm hơn các kỳ năm trước. Đến cuối năm 1999, các cơ sở sản xuất kinh doanh có các mặt hàng gặp khó khăn đã dần đi vào ổn định sản phẩm tăng, nộp được thuế và có lãi. Có nhiều sản phẩm, tính chung cả năm 1999 tăng cao hơn so với năm trước như phân hoá học tăng 14%, sứ vệ sinh 52,9%. Các hoạt động dịch vụ phát triển hơn, giá trị sản xuất các ngành dịch vụ đều tăng so với những năm trước. Về lưu thông hàng hoá, tuy bối cảnh nền kinh tế lạm phát kéo dài, nhưng vì GTGT chỉ điều tiết trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá nên đã thúc đẩy việc lưu thông hàng hoá thuận lợi. Tính chung cả năm 1999, tổng lưu chuyển hàng hoá bán lẻ tăng 5,1% (bao gồm cả yếu tố trượt giá 4,7%).

Về thu ngân sách nhà nước: Số thu NSNN vẫn bảo đảm tiến độ như các năm trước đây. Số thu ngân sách từ năm 1999 vẫn đảm bảo hoàn thành vượt mức dự toán thu 106,8%. Riêng số thu từ thuế GTGT thu được 16.590 tỷ sau khi trừ đi số thuế phải hoàn còn lại tương đương với số thuế doanh thu tính theo trên mặt bằng 98, lần đầu tiên trong cả nước 61/61 tỉnh thành đều hoàn thành vượt mức dự toán do quốc shội giao. 4 tháng đầu năm 2000 số thu ngân sách đạt 31,4% tăng 3,6% so cùng kỳ. Riêng số thu nội địa và thu do ngành thuế quản lý đạt 32,5% dự toán năm tăng 9% so cùng kỳ. Đây là thời điểm có số thu đạt tỷ lệ so với dự kiến cao nhất so với cùng thời điểm của 10 năm trở lại đây. Có được kết quả này là nhờ vào sự tích cực, chủ động và phối hợp chặt chẽ của các ngành, đơn vị chức năng như ngành thuế, hải quan, quản lý thị trường, bộ đội biên phòng, công an... với các địa phương trong việc tính thuế và thu thuế hàng hoá dịch vụ, giám sát kiểm tra hàng hoá, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Về giá cả thị trường: Triển khai thực hiện luật thuế GTGT không làm tăng giá cả hàng hoá, giá cả thị trường năm 1999 không có biến động lớn, nên không gây tác động xấu đến đời sống nhân dân. bản chất của thuế GTGT là không làm tăng giá cả hàng hoá vì nó thay thế thuế doanh thu đã được kết cấu vào trong giá. Một vài tháng đầu năm, một số doanh nghiệp và hộ kinh doanh đã cộng thêm thuế vào giá cũ để bán làm giá cả hàng hoá đã nhích lên một chút. Nhưng chính phủ và các bộ, các ngành, địa phương đã có biện pháp quản lý kịp thời. Mặt khác, hàng hoá dồi dào, còn sức mua hạn chế nên giá cả sớm ổn định lại. Tính chung cả năm 1999, chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,1% so với tháng 12/1998. Về cơ bản, giá cả hàng hoá năm 1999 vẫn dừng ở cuối năm 1998 mặc dù trong

giá có cả thuế GTGT. Và những năm tiếp sau đó giá cả cũng không có sự biến động lớn.

Ngoài ra, thuế GTGT và các luật thuế mới còn có khuyến khích đầu tư trong nước, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ hiện đại. VAT không đánh vào hoạt động đầu tư tài sản cố định, toàn bộ số thuế GTGT khi mua sắm tài sản cố định sẽ được khấu trừ hoặc hoàn lại cho doanh nghiệp. Đồng thời trong quá trình thực hiện, chính phủ còn có các biện pháp khuyến khích thêm như: Đối với công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao trong những năm 1998 sang năm 1999 mới thanh toán thì được nộp thuế theo mức thuế doanh thu cũ, từ năm 1/9/1999 đã giảm 50% mức thuế GTGT cho xây dựng, lắp đặt. Nhờ đó trong những năm 1999, tuy vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện chỉ bằng 77,7% so với thực hiện năm 1998, nhưng tổng vốn đầu tư xã hội vẫn tăng khoảng 9% so với năm trước.

Bên cạnh đó, thuế GTGT đã góp phần khuyến khích xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá xuất khẩu, giải quyết nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Luật thuế GTGT quyết định hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% và được hoàn thuế GTGT đầu vào nên đã khuyến khích xuất khẩu và tạo điều kiện để hàng hoá Việt Nam có thể cạnh tranh được về giá với hàng hoá tương tự của các nước trên thị trường quốc tế. Kết quả cho thấy năm 1999 là năm đầu tiên kim ngạch xuất khẩu của nước ta vừa đạt tốc độ tăng trưởng cao, vừa vượt mức kế hoạch. Việc thực hiện thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu đã góp phần hạn chế hàng tiêu dùng, nhất là tiêu dùng cao cấp từ nước ngoài, thực hiện tiết kiệm cho sản xuất.

Đối với vật tư, nguyên liệu xuất nhập khẩu vẫn thực hiện thu thuế GTGT khi hàng nhập về, nhưng có xem xét điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu để ổn định sản xuất trong nước. Thuế GTGT còn góp phần cơ cấu lại nền kinh tế từ sản xuất thay thế nhập khẩu sang sản xuất hướng xuất khẩu, sản xuất xuất khẩu các mặt hàng ta có thể mạnh như nông, lâm, thủy hải sản... bằng các quy định cụ thể như: không thu VAT đối với người sản xuất hàng hoá bán ra, khấu trừ VAT đầu vào đối với các cơ sở chế biến, thương mại mua các mặt hàng trên, hoàn thuế đầu vào cho các cơ sở sản xuất các mặt hàng này nếu có hoá đơn VAT đầu vào... Như vậy mà trong năm 1999 lượng gạo xuất khẩu đạt 4,55 triệu tấn tăng 80 vạn tấn so với năm 1998. Hầu hết các nông sản xuất khẩu chủ yếu tăng về khối lượng như chè tăng 130%, cà phê 27,6% cao su 37,2%, hạt tiêu tăng 2,3%.

Những kết quả đã đạt được trên tuy chỉ là sự đánh giá bước đầu nhưng thực sự là thắng lợi to lớn thể hiện được tính đúng đắn, phù hợp và cần thiết của quá trình cải cách thuế bước II của nước ta. Luật thuế GTGT đã bảo đảm được yêu cầu của nhà nước đề ra. Đồng thời, nó góp phần hoàn thiện thêm hệ thống chính sách thuế ở nước ta, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới.

* Nguyên nhân để đạt được các kết quả trên.

Do chính phủ, ban chỉ đạo triển khai các luật thuế mới của chính phủ, các Bộ, các ngành, địa phương đã giám sát sự chỉ đạo của TW của Đảng của Bộ chính trị của Ủy ban thường vụ quốc hội để tổ chức triển khai thực hiện các luật thuế mới. Ban chỉ đạo triển khai các luật thuế mới của chính phủ đã bám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh; phát hiện ra những khó khăn trong quá trình thực hiện, đề xuất những biện pháp hữu hiệu tháo gỡ những khó khăn đó.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thuế, tập huấn nghiệp vụ. Các cơ sở kinh doanh và mọi tầng lớp nhân dân đều hưởng ứng và đồng tình với luật thuế mới.

Ngoài ra, còn có sự phấn đấu nỗ lực của tổng cục thuế và ngành hải quan từ việc triển khai đến việc tổ chức thực hiện như: soạn thảo văn bản hướng dẫn, tổ chức đăng ký, in ấn và cung ứng hoá đơn chứng từ; tập huấn hướng dẫn cho các đối tượng nộp thuế, xây dựng quy trình quản lý thuế mới, trang bị kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý thuế, cải cách thủ tục hành chính trên cơ sở nâng cao trách nhiệm của đối tượng nộp thuế, yêu cầu đối tượng nộp thuế phải tự tính thuế và tự khai thuế, nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế...Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thuế để rút ra được những kinh nghiệm quá trình triển khai thực hiện các luật thuế GTGT nói riêng và các luật thuế mới nói chung.

2. Một số vướng mắc, khó khăn còn tồn tại trong quá trình thực hiện

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, khi áp dụng thuế GTGT chắc chắn sẽ phát sinh nhiều khó khăn thách thức đối với Nhà nước, doanh nghiệp cũng như với xã hội.

Thứ nhất, phương pháp tính thuế GTGT phức tạp hơn so với cách tính thuế trước đây.

Thứ hai, thuế GTGT yêu cầu cao về cơ sở số liệu, hạch toán kế toán hoá đơn và luân chuyển hoá đơn chứng từ cũng như trình độ nhận thức của mọi đối

tượng liên quan từ Nhà nước và các đại diện của Nhà nước, các doanh nghiệp, nhân dân.

Thứ ba, thuế GTGT yêu cầu cao đối với bộ máy thu và quản lý thuế, cũng như đối với việc thống nhất hoá, đồng nhất hoá các văn bản pháp quy có liên quan.

Thứ tư, chuyển từ thuế doanh thu sang áp dụng thuế GTGT đòi hỏi phải thay đổi một thói quen vốn đã ăn sâu trong cách nghĩ và cách làm của mỗi người. Một trong những thói quen đó là: mua bán hàng không cần hoá đơn, linh hoạt đến mức tùy tiện trong việc ghi chép chứng từ, sổ kế toán... mà thay đổi một thói quen bao giờ cũng hết sức khó khăn. Do thuế GTGT chỉ tính trên phần giá trị gia tăng thêm nên để đảm bảo mức động viên ngang bằng thuế doanh thu thì suất thuế GTGT phải cao hơn thuế suất thuế doanh thu hiện hành. Điều này dễ gây tâm lý cho rằng Nhà nước tăng thuế và để dẫn tác động làm tăng giá, cho nên cùng với việc giải thích cần phải áp dụng biện pháp quản lý chặt chẽ và phải có các biện pháp kinh tế để kiềm chế ngăn ngừa lợi dụng tăng giá.

Thứ năm, chuyển từ thuế doanh thu có 11 thuế suất sang áp dụng thuế GTGT có 4 thuế suất, dẫn đến dễ bị hụt hẫng trong thu ngân sách thuế suất cao nay xuống thuế suất thấp sẽ làm giảm thu ngân sách Nhà nước. Những hàng hoá đang chịu thuế suất thấp nay lên thuế suất cao sẽ gặp khó khăn lúng túng trong thời gian đầu. Do đó cần có những biện pháp điều tiết một phần từ những doanh nghiệp có thu nhập cao do được giảm thuế suất, đồng thời giảm bớt những khó khăn trong doanh nghiệp phải chịu thuế suất cao hơn trước.

Thứ sáu, đối với các khu vực doanh nghiệp, có thể sẽ có một số ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận doanh nghiệp cụ thể nào đó - thông thường là những doanh nghiệp nhỏ và yếu. Do không đủ điều kiện áp dụng GTGT theo luật (10/5/1997), nên sẽ xuất hiện hiệu ứng hai chiều: đối với bản thân đơn vị, khi mua hàng, phải chi trả thuế GTGT mà không bao giờ được khấu trừ.

Mặt khác, các đơn vị bán sẽ gặp phải khó khăn hơn, khó bán hơn do hàng hoá của họ sẽ không được người mua cũ để mắt tới nữa vì những doanh nghiệp này không mang lại khả năng khấu trừ thuế GTGT cho bên mua. Nói cách khác, rất có thể họ sẽ bị mất đi một lượng bán hàng nhất định. Nếu không lường trước được vấn đề có thuế GTGT sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất kinh doanh sau khi triển khai. Cần lưu ý rằng tuy doanh thu của khu vực này không phải là lớn nhưng số lượng doanh nghiệp lại rất đáng kể nên cần tránh những dư luận không tốt đối với thuế GTGT.

Những khó khăn nói trên là những trở ngại thực sự, đòi hỏi phải có dự báo những tình huống có thể xảy ra và nhất là phải có những giải pháp sát hợp cho từng trường hợp để chủ động phòng tránh mới có thể hạn chế được những rủi ro và đảm bảo thực hiện thành công thuế GTGT. Mặt khác, áp dụng thuế GTGT đem lại nhiều thuận lợi cho sản xuất kinh doanh cho nên khắc phục những khó khăn ban đầu để thực hiện có kết quả là góp phần bảo đảm lợi ích của cả nền kinh tế. Vấn đề là cả Nhà nước và doanh nghiệp đều phải nỗ lực thực sự thì áp dụng thuế GTGT mới đạt được kết quả mong muốn.

3. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những vướng mắc và hướng hoàn thiện thuế GTGT

3.1 Nguyên nhân.

Nguyên nhân sâu xa của những khó khăn vướng mắc trên là do nước ta mới chuyển sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, từ một nền sản xuất nhỏ hình thức tài chính và ngân hàng chưa kịp với thời vụt tăng trưởng kinh tế nên việc thanh toán tiền hàng trước mua bán chao đổi hàng hoá chủ yếu là ngoài luồng ngân hàng, rất khó kiểm soát mặt khác chưa có thói quen sử dụng hoá đơn chứng từ mua bán thêm vào đó thuế GTGT ở nước ta còn chứa đựng nhiều bất cập không hợp lý so với thực tế nền kinh tế - xã hội nước ta hiện nay để khắc phục những khó khăn khiếm khuyết chúng ta cần tìm hiểu rõ người dân để từ đó đưa ra cách sử dụng phù hợp, có hiệu quả và không bóp méo bản chất, vai trò và ý nghĩa của thuế GTGT có thể xét đến một số nguyên nhân chủ yếu sau thứ nhất khi áp dụng thuế GTGT với 3 mức thuế suất (không kể mức 0%) tháng cho thuế doanh nghiệp thu trước đây với 11 mức thuế suất, thì một điều không thể tránh khỏi là sự phân hoá tương đối giữa các thành phần kinh tế nghĩa vụ nộp thuế đó là có doanh nghiệp thì nộp cao hơn, thấp hơn mức độ thuế tương đương do chỉ còn 3 mức thuế là điều không thể tránh khỏi

Thứ 2 do chưa thu được trang bị đầy đủ kiến thức nghiệp vụ nên cán bộ thuế khó khăn trong quá trình là khi thực hiện thoái thuế. đặc biệt là công tác hoá đơn chứng từ của chúng ta còn phức tạp. Mặc dù trước khi thực hiện thuế GTGT, quốc hội chính phủ đã rất quan tâm đến công tác chuẩn bị lường trước các khó khăn có thể nảy sinh để ra các văn bản phù hợp nhưng đây là sắc thuế hoàn toàn mới đối với ta nên công tác này chúng mang lại khoảng như mong muốn có nhiều các thông tư nghị định hướng dẫn thực hiện được ban hành một mặt góp phần khắc phục kịp thời các vướng mắc nảy sinh những mặt khác lại gây không ít những khó khăn trong vấn đề thực hiện.

Thứ 3 do áp dụng 2 cách tính thuế GTGT theo phương thức trực tiếp và phương pháp khấu trừ thuế khâu thuế đầu vào không được thực hiện (do không có hoá đơn hợp lệ) do vậy các doanh nghiệp cho rằng đó là thuế xuất cao, từ đó đòi hỏi miễn giảm thuế gây thất thu cho ngân sách gây bất bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế giữa các nhà doanh nghiệp có thể nói đây là nguyên nhân chính gây ra những khó khăn vướng mắc khi thực hiện luật thuế GTGT.

Thứ 4: Thời điểm áp dụng thuế GTGT chưa thật thuận lợi chúng ta áp dụng thuế GTGT vào thời điểm khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở các nước trong khu vực và bị thiên tai liên tiếp xảy ra nhất là lũ lụt vừa qua ở các tỉnh miền trung đang làm gánh nặng đối với nền kinh tế - chính vì thế nền kinh tế nước ta chịu nhiều ảnh hưởng làm khó khăn hơn cho nguồn thu thuế thực hiện theo kế hoạch trên bình diện vĩ mô. Do chịu nhiều ảnh hưởng mà hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp không ít khó khăn kéo theo khó khăn trong việc nộp thuế ngoài ra còn thấy một số nguyên nhân khác như là một số việc tổ chức thực hiện ở địa phương có số còn coi nhẹ về thuế nên chưa quan tâm đầu tư còn chần chừ đề xuất biện pháp tháo gỡ vướng mắc khó khăn những vướng mắc phát sinh của thuế còn chậm được giải quyết chưa đến nơi đến chốn nhất là vấn đề thủ chấp vá thiếu nhiều và thiếu đồng bộ trong là hướng dẫn làm cho việc thực hiện gặp nhiều khó khăn sơ hở.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện thuế GTGT ở Việt Nam

Áp dụng luật thuế GTGT ở nước ta đã phát huy những ưu điểm trong việc thúc đẩy SXKD phát triển; đặc biệt là khuyến khích sản xuất hàng XK thúc đẩy vì vậy, có thể nói thuế GTGT cũng như các sắc thuế khác trong hệ thống thuế Việt Nam đã góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Đi đôi với những ưu điểm đó cũng còn một số vấn đề cần nghiên cứu hoàn thiện hơn.

Về thuế suất:

Có thể nói thuế suất là linh hồn của thuế là một yếu tố rất quan trọng nhất của một chính sách thuế bởi nó biểu hiện tập trung nhất các chính sách của nhà nước, phản ánh quan hệ giữa nhà nước với các chủ thể khác trong xã hội. Quy định mức thuế suất hợp lý sẽ kích thích sản xuất phát triển tăng thu NSNN Tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế xã hội. Việc quy định các mức thuế suất cao hay thấp sẽ quyết định sự thất bại hay thành công của một chính sách thuế. Nếu số lượng thuế suất quá nhiều sẽ làm cho chính sách thuế phức tạp khó quản lý dễ bị lợi dụng để thuế gây thất thu cho NSNN nhưng lại có ưu điểm thể hiện

được khả năng điều tiết linh hoạt của nhà nước trong những trường hợp cần thiết. Trái lại các mức thuế suất quá ít, nhà nước khó thực hiện được nhiều CSXH nhưng có ưu điểm tính đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng hạn chế tình trạng thất thu thuế. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, để khắc phục những tác động không tốt đối với KTXH của thuế GTGT căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản xây dựng cơ sở thuế hữu hiệu trên kinh nghiệm các nước là thực tiễn ở nước ta. Cơ sở thuế GTGT ở nước ta chỉ nên quyết định một mức thuế suất chung duy nhất áp dụng cho các loại 0% loại trừ mức thuế xuất% áp dụng cho hình thức xuất khẩu 10% là phù hợp với định hướng nói trên.

Về phương pháp tính thuế:

Theo quy định ở nhà nước ta phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ và phương pháp tính thuế trực tiếp trong điều kiện này khi nền kinh tế phát triển chưa cao, số lượng các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô vừa và nhỏ chưa thực hiện tốt chế độ kế toán hoá đơn chứng từ còn nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu tính thuế theo phương pháp khấu trừ qua thực tế cho thấy với hai phương pháp tính thuế với mức doanh thu như nhau cũng khoản nộp thuế lại khác nhau. Điều này chứng tỏ luật thuế vẫn chưa ổn định về phương pháp tính, dẫn đến không công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế, sẽ tạo ra sân chơi không bình đẳng giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh xuất phát từ kinh nghiệm của các nước và nguyên tắc hữu hiệu của một chính sách thuế mặt khác để thuế GTGT vận hành mang tính liên tục không gián đoạn, thì về lâu dài, nước ta chỉ nên quyết định tồn tại trong giai đoạn quá độ để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện áp dụng theo phương pháp khấu trừ nếu đủ điều kiện còn lại chỉ nên áp dụng đối với đối tượng nộp thuế có doanh thu hàng năm thấp nhưng vẫn trên người chịu thuế GTGT cần phối hợp với việc triển khai hội doanh nghiệp để quản lý chặt chẽ khâu đăng ký sản xuất kinh doanh đến khâu quản lý tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Về cách thức tổ chức thực hiện thuế GTGT:

Để chính sách thuế GTGT thật sự đi vào đời sống kinh tế - xã hội một cách có hiệu quả, vậy cần thực hiện đồng bộ, nghiêm túc các biện pháp sau:

Tăng cường bồi dưỡng đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ nghiệp vụ thuế, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý thu thuế GTGT, nhất là áp dụng công nghệ tin học cho công tác quản lý và điều hành thu thuế. Đây là khâu quan trọng quyết định tính thực thi, tính hiệu quả của chính sách thuế, bởi việc quản lý thu thuế GTGT rất phức tạp nên tính trình độ nghiệp

vụ chuyên môn của cán bộ thuế yếu hay thiết bị Quản lý lạc hậu sẽ không quản lý tốt thuế GTGT được mà sẽ làm ra tăng hiện tượng chôn thuế. Nếu công tác quản lý tốt sẽ thúc đẩy việc thực hiện nghiêm các quy định về sổ sách, chứng từ hoá đơn, hạn chế và khắc phục tình trạng thất thu thuế. Có chính sách động viên hợp lý đội ngũ cán bộ thuế, nhất là ở cơ sở, kết hợp với công tác giáo dục thường xuyên quản lý chặt chẽ đội ngũ này chống tiêu cực lệch lạc.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền cơ sở thuế GTGT bằng nhiều hình thức sinh động thiết thực đến mọi người hiểu rõ sản chất và nắm được những ưu điểm của thuế GTGT, tránh những hiểu lầm, nhận thức không đúng gây ngộ nhận do không hiểu biết về thuế GTGT tạo khe hở khác lợi dụng gây bất an cho nhân dân. Về lâu dài cần kết hợp với ngành giáo dục nghiên cứu các kiến thức cơ bản về các luật thuế vào chương trình giáo dục công dân trong trường phổ thông để giáo dục cho các công dân tự giác ý thức trách nhiệm và quyền lợi nghĩa vụ trong việc tự giác đóng thuế...

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế, thực hiện đồng bộ nghiêm túc các biện pháp kinh tế. Phối hợp chặt chẽ các cơ quan thuế với các cơ quan quản lý thị trường, cơ quan thực thi pháp luật để kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm túc đối với các trường hợp in ấn hoá đơn giả, buôn bán hoá đơn giả và hoá đơn thật, các trường hợp chứng từ, hợp đồng giả, khống để trốn thuế gây thất thoát thu cho ngân sách nhà nước, thị trường biến động, cơ cấu lao động xã hội bị xáo trộn.

Về khấu trừ thuế: Cùng với việc giảm đồng loạt 50% thuế suất, đề nghị chỉ cho khấu trừ thuế đầu vào đối với 3 trường hợp là: mua hàng có hoá đơn GTGT, có hoá đơn thường (tức là mua hàng có hoá đơn) và một số trường hợp mua hàng theo quy định trong luật thuế GTGT.

Về mở rộng diện chịu thuế:

Mở rộng diện chịu thuế GTGT đối với các hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và một số loại hàng hoá dịch vụ.

Đối với hàng hoá xuất nhập khẩu

Với hàng hoá XNK cho áp dụng mức thuế suất 0% đối với tất cả các hàng hoá dịch vụ xuất khẩu để khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu và XNK trong nước phát triển. Đồng thời cũng phù hợp với bản chất của loại thuế này.

Đối với hàng hoá nhập khẩu: Việc đánh giá thuế GTGT vào hàng nhập khẩu là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo nguồn thu

cho ngân sách nhà nước khi thực hiện hiệp định AFTA phải giảm thuế nhập khẩu xuống còn 0-5% mặt khác đó cũng là hàng rào hữu hiệu để bảo vệ sản xuất trong nước.

Trên đây là một số hướng nhằm hoàn thiện cơ sở thuế GTGT hiện nay ở nước ta. Để phát huy những tác động tích cực về mặt kinh tế- xã hội của hạn chế các mặt tiêu cực của thuế GTGT, làm cho luật thuế này thực sự đi vào cuộc sống. Bên cạnh đó để thực hiện thành công luật thuế này phải tăng cường sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng và nhà nước, sự chỉ đạo chặt chẽ của chính phủ của Bộ tài chính của cấp uỷ và chính quyền địa phương. Đồng thời phải tranh thủ sự phối hợp của các ngành các cấp, các đoàn thể xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác thu thuế mà quốc hội, chính phủ giao.

PHẦN KẾT

Qua một thời gian ban hành, thực hiện luật thuế GTGT ở Việt Nam đem lại nhiều thành công, những đồng thời cũng còn nhiều mặt hạn chế còn tồn tại. Tuy nhiên điều khẳng định trước hết là việc kiên quyết đưa luật thuế GTGT vào thực hiện là một thành công lớn, có ý nghĩa lịch sử trong quản lý kinh tế của Đảng và nhà nước ta. Bởi lẽ thuế GTGT là một loại thuế tiên tiến được thực hiện và phát huy tác dụng tốt ở nhiều nước trên thế giới. Trong những năm thực hiện ở nước ta. Những ưu Việt của thuế GTGT so với loại thuế doanh thu trước đây là: khắc phục tình trạng đánh thuế, hạn chế tình trạng kinh doanh lổ vẫn phải nộp, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng, tăng thu ngân sách nhà nước, hạn chế tình trạng thất thu thuế. Hơn nữa việc áp dụng thuế GTGT còn là một trong những điều kiện để đẩy nhanh quá trình hội nhập ngày càng toàn diện với nền kinh tế thế giới và các nước trong khu vực, đồng thời góp phần cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Thuế GTGT là loại thuế giảm thu chỉ đánh trên phần giá trị tăng thêm, được sản sinh trong quy định sản xuất kinh doanh, do nhà nước sản xuất kinh doanh nộp nhưng do người tiêu dùng cuối cùng chịu khi mua. Do đó, nó tác động ít nhiều đến nền kinh tế - xã hội cụ thể là tác động đến giá cả thị trường, hợp đồng mua bán hàng hoá NXK, đến các doanh nghiệp...

Rõ ràng, thuế GTGT có nhiều ưu điểm nổi trội hơn thuế doanh thu, áp dụng loại thuế này mang lại cho nền kinh tế nhiều thuận lợi mà trước hết là các cơ sở sản xuất kinh doanh. Nhưng bên cạnh những mặt đã đạt được, thuế GTGT gặp khá nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng (như đã nêu ở trên bài). Những vướng mắc còn tồn tại phải được xem xét, tìm hiểu nguyên nhân để từ đó có những biện pháp, hướng đi nhằm hoàn thiện hơn luật thuế này. Để cho cơ sở thuế GTGT đúng là một sắc thuế tiên tiến và thành công trong hình thức thuế góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế.

Thực tế cho thấy việc thi hành luật thuế GTGT và các luật thuế mới là một bước tiến mới trong chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong bối cảnh ngày nay. Hy vọng rằng trong thời gian tới chúng ta bám sát thực tiễn hơn, nhanh chóng tìm ra, sửa chữa những bất hợp lý để cho thuế GTGT ngày một góp phần tích cực vào việc đưa đất nước tiến nhanh vững mạnh trên con đường CNH - HĐH mà Đảng đã đề ra. Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, phải có

sự quản lý của các cấp có thẩm quyền cùng hợp tác điều hành công tác thực hiện chính sách thuế để chính sách thuế này ngày một đi sâu vào cuộc sống và thuế GTGT sẽ là một sắc thuế không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

TÀI LIỆU LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí tài chính số 3 /2000; 10/1998; 12/1999
2. Tạp chí cộng sản số 3/2000; 12/2000
3. Tạp chí kinh tế phát triển số 36/2000; 40/2000
4. Tạp chí phát triển kinh tế số 103/1999; 30/1999; 114/2000
5. Các văn bản hướng dẫn
6. Thuế GTGT mô hình áp dụng ở Việt Nam.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời mở đầu	1
Chương I. Lý thuyết về thuế GTGT	3
1. Khái niệm và đặc điểm	3
2. Nội dung cơ bản của VAT	4
2.1. Đối tượng	4
2.2. Căn cứ tính	5
2.3. Phương pháp tính	5
3. Vai trò của thuế GTGT	8
4. Tác dụng của thuế GTGT đối với nền kinh tế - xã hội	9
Chương II. Thuế GTGT ở Việt Nam	14
1. Sự cần thiết của việc ban hành thuế GTGT	14
2. Điều kiện để vận dụng	16
Chương III. Thực trạng	17
1. Một số thành tựu đạt được	17
2. Những vướng mắc còn tồn tại trong quá trình thực hiện	21
3. Nguyên nhân và hướng hoàn thiện	22
Kết luận	28
Tài liệu tham khảo	30